



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2017**

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH	5
I. TỔNG QUAN VỀ ELCOM	6
Các chỉ số cơ bản	10
Lịch sử hình thành phát triển	12
Lĩnh vực hoạt động	14
Các mảng giải pháp	16
Định hướng công nghệ	18
Khách hàng tiêu biểu	19
Văn hóa doanh nghiệp	20
Quản trị rủi ro	22
Tổ chức	24
Nhân sự chủ chốt	26
Dữ liệu cổ đông	28
II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	30
Đánh giá hoạt động 2017	32
Đánh giá các mảng thị trường	33
Tình hình tài chính	36
Mục tiêu và chiến lược 2018	37
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ	40
Báo cáo của hội đồng quản trị	42
Báo cáo của ban kiểm soát	48
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017	50
Báo cáo tài chính hợp nhất 2017	52



Thay mặt HĐQT, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Cổ đông, quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Elcomers vì đã tin tưởng, đồng hành cùng ELCOM trong suốt thời gian qua. Hãy tiếp tục sát cánh cùng ELCOM trên chặng đường tiếp theo, chúng ta sẽ tạo ra nhiều giá trị cho cuộc sống!

THÔNG ĐIỆN TỬ TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Từ một thế giới phẳng được hình thành hơn 10 năm về trước, một cuộc cách mạng số đang mạnh mẽ tiến vào mọi ngóc ngách của cuộc sống chúng ta. Điều đó đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn bộ nền kinh tế thế giới, thay đổi cuộc sống. Một thế giới mới có thể được hình thành, trong đó Robot và Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ giữ vai trò thống lĩnh, vạn vật được kết nối. Việt nam không nằm ngoài trào lưu đó. Nhiều cơ hội và thách thức lớn được đặt ra, bằng chứng là nhiều dịch vụ thay đổi, nhiều mô hình kinh doanh đột phá ra đời và cũng nhiều mô hình, doanh nghiệp kinh doanh truyền thống rơi vào suy thoái. Tuy nhiên cơ hội lớn hơn cả mà cuộc cách mạng số mang lại chính là sự “bình đẳng” cho những doanh nghiệp dám đổi mới, dám đi đầu trong lĩnh vực công nghệ mới mẻ này.

Với ELCOM, song song với việc nỗ lực trong một môi trường cạnh tranh khốc liệt kiểu cũ, với những khó khăn của những thị trường truyền thống trong những năm vừa qua, chúng tôi đã có sự chuẩn bị cho một cuộc cách mạng số đầy tiềm năng nhưng không ít thử thách này.

Phát huy giá trị cốt lõi của một Công ty Công nghệ hàng đầu Việt Nam, bằng hơn 20 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực CNTT, Viễn thông và ANQP, với một vị thế đã được khách hàng, đối tác khẳng định cùng với sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, ELCOM sẽ tiếp tục tập trung tối ưu tổ chức, đầu tư mạnh cho các mảng cốt lõi, tạo ra giá trị bền vững, hiệu quả; xây dựng một môi trường năng động và chủ động, ham học hỏi để tiến bước trong một cuộc cách mạng rộng lớn đang diễn ra.

Sẵn sàng cho cuộc chơi lớn, nhưng ELCOM sẽ tập trung đầu tư nghiên cứu ứng dụng các công nghệ nổi bật cho những thị trường thế mạnh của mình; phát huy tối đa tiềm năng từ hạ tầng, nền tảng, khách hàng sẵn có, nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần, dẫn đầu trong những sản phẩm dịch vụ mà mình lựa chọn.

Mở đầu cho giai đoạn 2018-2020, ELCOM quyết tâm khẳng định mình trong việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và IoT trong xây dựng và triển khai giải pháp Giao thông thông minh thế hệ 2.0 cho các Tỉnh, Thành phố và các tuyến đường cao tốc, tiến tới giải pháp tổng thể cho thành phố thông minh. Cùng với đó, IoT và Big Data cũng sẽ được đưa vào những giải pháp Nông nghiệp công nghệ cao.

Việc tiếp tục hợp tác toàn diện với các tập đoàn công nghệ hàng đầu trên thế giới nhằm mang đến cho Việt nam những giải pháp, dịch vụ tiến tiến và phù hợp nhất cũng là một chiến lược quan trọng của ELCOM!

Bằng sự nỗ lực, bằng niềm tin của mỗi con người ELCOM và sự quyết tâm đổi mới mạnh mẽ, chúng tôi tin tưởng rằng ELCOM sẽ tiếp tục là một trong những công ty công nghệ uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Và cuối cùng, chúng tôi gửi lời tri ân tới niềm tin của Quý cổ đông đã đặt vào ELCOM, chúng tôi đã, đang, sẽ luôn cần sự ủng hộ của Quý cổ đông để chinh phục những thử thách và mang lại những giá trị tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng.

Xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông.

Thay mặt HĐQT

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Phan Chiên Thắng', written over a light blue background.

Chủ tịch
PHAN CHIÊN THẮNG



"Thành lập ngày 15/12/1995, sau hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, ELCOM hiện là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với rất nhiều sản phẩm, dịch vụ quan trọng do chính người ELCOM nghiên cứu, phát triển"

01

TỔNG QUAN VỀ ELCOM

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN	10
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN	12
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	14
CÁC MÀNG GIẢI PHÁP	16
ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ	18
KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU	19
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	20
QUẢN TRỊ RỦI RO	22
TỔ CHỨC	24
NHÂN SỰ CHỦ CHỐT	26
DỮ LIỆU CỔ ĐÔNG	28





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ELCOM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELCOM) là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam chuyên cung cấp các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chìa khóa trao tay và các dịch vụ kĩ thuật cho ngành Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông vận tải, Chính phủ... đồng thời là đơn vị phân phối, là cầu nối hoàn hảo cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường Việt Nam.

Trải qua hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, ELCOM tự hào là chuyên gia số 1 trong các mảng thị trường chuyên biệt mà mình lựa chọn tham gia.

Trụ sở chính

Tòa nhà ELCOM, Duy Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

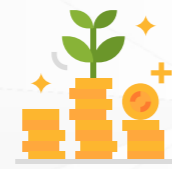
Tell: 024.38 359 359 - 024.3771 2222 - Fax: 024.383 55 884

Chi nhánh ELCOM Hồ Chí Minh

Số 162/12 đường Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP HCM

Tell: 028.355 34 980 - 028.355 34 981 - Fax: 028.355 34 970

Website: www.elcom.com.vn



1995

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ
Điện tử Viễn thông (Elcom)
thành lập ngày 15/12/1995



2010

ELCOM trở thành công ty đại chúng với mã
chứng khoán ELC năm 2010



50

Nằm trong top 50 doanh
nghiệp công nghệ thông tin
hàng đầu Việt Nam

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1995

Công ty TNHH Đầu tư phát triển CNTT VT (ELCOM) được thành lập. Trụ sở đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội



1999

Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho ELCOM tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam



2004

ELCOM chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELCOM JSC.)

Thành lập các công ty con ELCOM Ltd trực thuộc; thành lập Chi nhánh ELCOM tại Thành phố Hồ Chí Minh



2007

Tăng trưởng đột biến 193,7% so với năm 2006

Chính thức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI chứng nhận và được ANAB (Hoa Kỳ) công nhận



2010

Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM



2012

Khánh thành toà nhà ELCOM Building tại Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội



2014

ELCOM nằm trong top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin tiêu biểu năm 2014 do Hiệp hội phần mềm Vinasa trao tặng



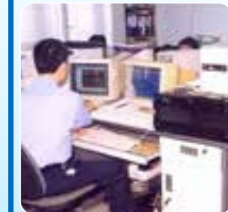
2016

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2016 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT

ELCOM nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2016

ELCOM chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ

ELCOM hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường trục truyền dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến lược MobiFone



1998

Thành lập Trung tâm Đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)



2001

Tăng trưởng đột biến về doanh số với mức tăng trưởng đạt 42%.



2006

Thành lập Công ty cổ phần Vật liệu mới (ELCOM Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite



2008

Trung tâm nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) chuyển đổi thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM (ESOFT)



2011

ELCOM ký hợp đồng về hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS, ELCOM bước những bước đi mới vào thị trường giao thông



2013

ELCOM đã làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và Inmasat - C, một loại vệ tinh phục vụ cho an ninh quốc phòng



2015

Khẳng định sự thành công trong thị trường Giao thông vận tải (VTS, WIM, Thu phí, ITS) ELCOM nằm trong Top 40 doanh nghiệp CNTT hàng đầu VN; Bằng khen thủ tướng chính phủ



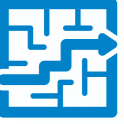



2017

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2016 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT.

ELCOM nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2017.

ELCOM đứng trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) năm 2017.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

	<p>HOẠT ĐỘNG R&D</p>	<p>Nghiên cứu các công nghệ nền tảng, phát huy giá trị cốt lõi là thế mạnh của ELCOM, đưa ra các platform về công nghệ lõi và công nghệ ứng dụng vào trong các sản phẩm cung cấp cho thị trường khách hàng. Đảm bảo luôn có giải pháp, công nghệ đi trước để hình thành sản phẩm đón đầu kịp thời theo xu hướng vận động của nhu cầu thị trường khách hàng.</p>
	<p>CUNG CẤP GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, TÍCH HỢP HỆ THỐNG</p>	<p>Trong suốt quá trình hoạt động, ELCOM luôn là đơn vị hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp, triển khai và tích hợp hệ thống. Các giải pháp tích hợp được kết hợp mềm dẻo và hiệu quả giữa sản phẩm của đối tác và giải pháp của ELCOM. Với thế mạnh nắm bắt kịp thời công nghệ mới và hiểu sâu về các hệ thống, công nghệ hiện tại cũng như nhu cầu khách hàng trong nước. Vì vậy giải pháp triển khai tích hợp của ELCOM cung cấp đem lại lợi ích tối đa và được khách hàng đánh giá rất cao.</p>
	<p>CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ CÁC HỆ THỐNG CNTT VÀ HẠ TẦNG TRUYỀN DẪN</p>	<p>Bằng kinh nghiệm triển khai rất nhiều các giải pháp, sản phẩm nền tảng về Viễn thông, Công nghệ thông tin cho nhiều thị trường khách hàng Viễn thông, ANQP, GTVT, Chính phủ. Chính vì vậy các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì các hệ thống Hạ tầng Viễn thông và CNTT luôn đạt được chất lượng cao nhất, đảm bảo an toàn hệ thống cho khách hàng.</p>
	<p>HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI & PHÂN PHỐI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ</p>	<p>Là công ty hàng đầu về công nghệ trong lĩnh vực Viễn thông, Công nghệ thông tin, ... tại Việt Nam, ELCOM được các đối tác nước ngoài ưu tiên lựa chọn hợp tác để cung cấp, phân phối các sản phẩm dịch vụ vào thị trường. Với kinh nghiệm và thế mạnh của ELCOM, khách hàng luôn tin tưởng và hài lòng với các chất lượng sản phẩm, dịch vụ của ELCOM và đối tác cung cấp, triển khai.</p>
	<p>CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ ĐẾN NGƯỜI DÙNG ĐẦU CUỐI (END USER)</p>	<p>Là một trong định hướng chiến lược, phát triển thành một trong các mảng mũi nhọn của ELCOM trong định hướng lâu dài, là một trong các mảng chính sẽ đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định trong tương lai. Dựa trên thế mạnh về các sản phẩm, dịch vụ hiện có, với tập khách hàng riêng, ELCOM sẽ đưa ra các giải pháp, dịch vụ cung cấp với sự khác biệt và nhiều tiện ích cho người dùng đầu cuối.</p>



CÁC MẢNG GIẢI PHÁP CHÍNH



GIẢI PHÁP VIỄN THÔNG

- Các giải pháp OSS/BSS
- Các giải pháp kết nối Adaptation giữa Core Network và ứng dụng: ESB, SMPP Platform, VAS platform...
- Các giải pháp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ đa phương tiện: MCA, CRBT, Vlive, Buzz Me...
- Các giải pháp truyền dẫn đường trục: Viba, DWDM, Metro

GIAO THÔNG THÔNG MINH

- Các giải pháp giao thông thông minh (ITS) cho đường cao tốc, các giải pháp thu phí MTC, ETC, giải pháp cân tự động (WIM)
- Các giải pháp ITS nội đô, các giải pháp Smart City, Safe City: Hướng tới mục tiêu các đô thị, thành phố văn minh, tiện dụng và an toàn
- Các giải pháp VTS điều hành hành hải cho các cảng biển tại Việt nam
- Hướng tới tạo ra hệ sinh thái giao thông thông minh có kết nối các đối tượng và giao dịch điện tử.

GIẢI PHÁP HẠ TẦNG CNTT - IT INFRASTRUCTURE

- Đối tác hàng đầu của các tập đoàn công nghệ thế giới như Microsoft, HP, IBM, Oracle, EMC, Cisco, F5... Cung cấp các giải pháp:
- Giải pháp hạ tầng mạng, giải pháp hệ thống máy chủ và lưu trữ
 - Giải pháp Ảo hoá và điện toán đám mây
 - Giải pháp Truyền thông hợp nhất
 - Giải pháp An ninh, an toàn, bảo mật mạng
 - Giải pháp cảnh báo, quản trị hệ thống...
 - Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật

GIẢI PHÁP AN NINH SECURITY & INTELLIGENCE

- Chặn thu, trinh sát, giám sát, theo dõi
- Phân tích dữ liệu, dự đoán, hỗ trợ ra quyết định
- An ninh không gian mạng
- Trung tâm phân tích thông tin/ Trung tâm chỉ huy/ Trung tâm điều hành

GIẢI PHÁP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

- Các giải pháp toàn diện về nhà kính từ tư vấn, thiết kế đến lắp đặt triển khai, hỗ trợ sau bán hàng.
- Các giải pháp điều khiển vi khí hậu, các giải pháp về tưới cho nhà kính và cánh đồng mở
- Các giải pháp về quản lý Farm tổng thể từ trang trại đến bàn ăn, ứng dụng CNTT, IOT và điều khiển tự động, tạo hệ sinh thái, cộng đồng NN, cung cấp dữ liệu và các dịch vụ tiện ích trên nền tảng hệ thống quản lý Farm
- Cung cấp phân phối vật tư NN CNC

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ CỦA ELCOM

Tăng cường phát huy sức mạnh và giá trị của mảng R&D, tiếp tục phát triển Công nghệ SMAC/SMACSI: Social (Xã hội), Mobile (Di động), Analytics (Phân tích, dựa trên Dữ liệu lớn) và Cloud (Đám mây) / Security (Bảo đảm An ninh) và Intelition Transport (Giao thông thông minh);

2018-2020 tập trung nghiên cứu thêm nền tảng ứng dụng công nghệ AI, Blockchain, IoT, BI. Đưa ra các giải pháp đón đầu ứng dụng vào các sản phẩm của ELCOM trong các lĩnh vực kinh doanh chính như Viễn thông, ANQP, Giao thông, Nông nghiệp.

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

Khối An ninh - Quốc phòng



Khối Giao thông - Vận tải



Khối Viễn thông



Khối Chính phủ



Khối Doanh nghiệp





VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa Doanh nghiệp ELCOM phát huy các giá trị cốt lõi "TINH - TÂM - TRÍ - TÍN", khuyến khích từng thành viên, từng cá nhân với trách nhiệm cao trong công việc, trong các hoạt động của công ty cũng như trong cuộc sống:

Văn hóa chuyên nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, văn hóa chịu trách nhiệm, văn hóa ứng xử thân thiện với khách hàng và đồng nghiệp.

Văn hóa sáng tạo, chủ động trong từng cá nhân, các câu lạc bộ, các nhóm sáng tạo ý tưởng, start up, đã lan tỏa được sự hứng khởi của nhiều thành viên trẻ nhiệt tình tham gia. Các cuộc thi "Idea for ELCOM" mang lại hiệu quả cao

trong việc tìm tòi các ý tưởng phục vụ sản xuất kinh doanh cũng như hỗ trợ công tác, tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp

Văn hóa phong trào, phục vụ nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe của toàn thể ELCOMer, tạo các sân chơi bổ ích ngoài các câu lạc bộ truyền thống như bóng đá, Zumba, ... hình thành thêm các câu lạc bộ bơi lội, Marathon nhằm tăng cường sức khỏe và giao lưu cộng đồng.

Các hoạt động bảo vệ môi trường, từ thiện, giúp đỡ cộng đồng được thực hiện hiệu quả, có ý nghĩa, đúng mục đích và đúng đối tượng, tạo được tinh thần và ý thức chia sẻ giúp đỡ môi trường và cộng đồng trong từng cá nhân ELCOMer



QUẢN TRỊ RỦI RO



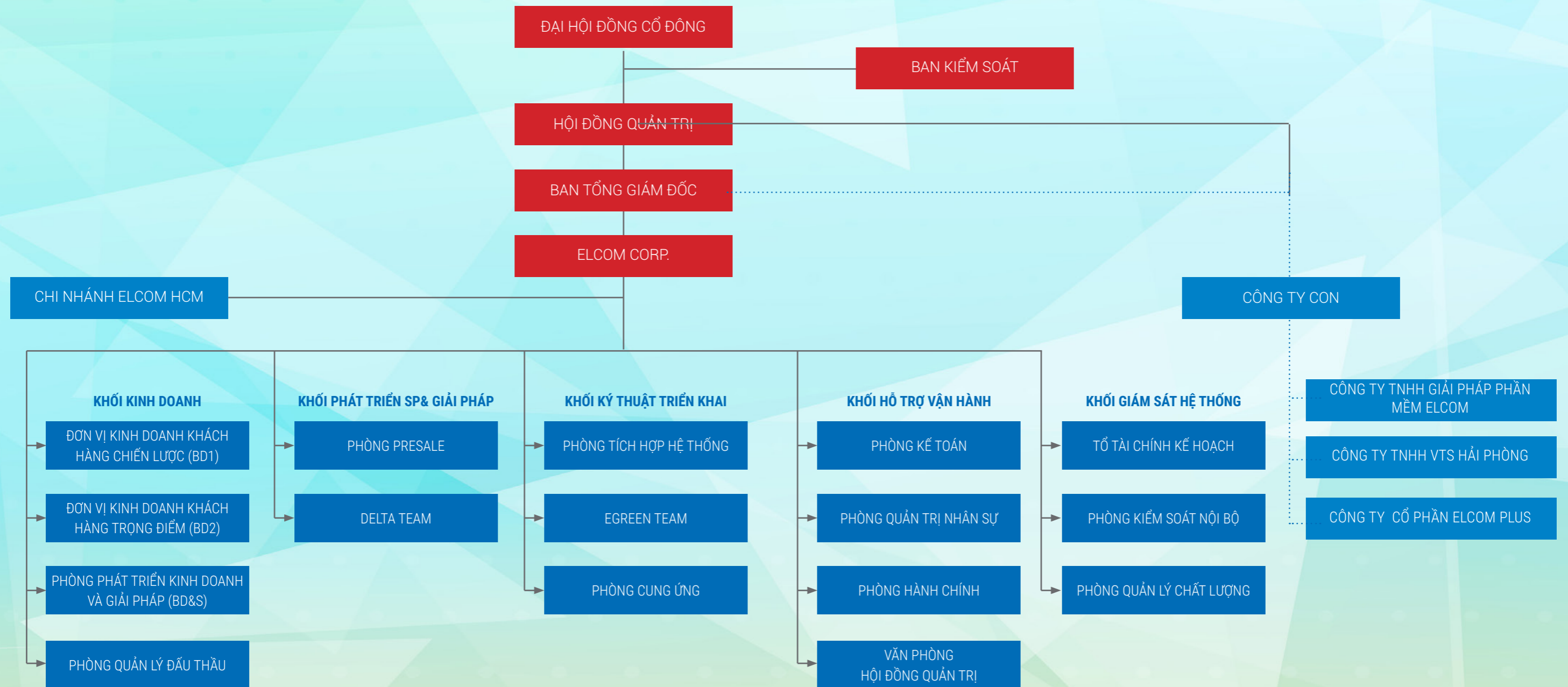
Năm 2017 trước những biến động về môi trường kinh tế, xã hội, việc thực hiện mục tiêu đặt ra của ELCOM cũng gặp nhiều khó khăn và thách thức, nguyên nhân bao gồm cả chủ quan và khách quan. Trước tình hình thực tế, HĐQT và Ban lãnh đạo đã nhìn nhận và đánh giá lại công tác quản trị rủi ro để xác định phương thức quản lý phù hợp, hiệu quả hơn:

- Cấu trúc quản trị rủi ro vẫn được duy trì theo 3 lớp từ cấp lãnh đạo cao nhất đến các cấp quản lý, CBNV và bộ phận đánh giá, kiểm soát độc lập.
- Mọi quá trình, luồng công việc được thực hiện theo chu trình Thiết lập – Thực thi – Giám sát – Cải tiến (PDCA).
- Các chốt kiểm soát và phòng ngừa rủi ro đã được chú trọng hơn trong thiết kế chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Công ty.
- Hệ thống báo cáo, lập kế hoạch định kỳ hàng tháng, quý được áp dụng để toàn thể CBNV quan tâm nắm bắt tiến độ công việc và giải quyết kịp thời các rủi ro và cơ hội;
- Báo cáo quản lý rủi ro tổng hợp toàn Công ty và danh mục rủi ro của từng bộ phận được cập nhật định kỳ hàng quý để tăng cường nhận thức quản lý rủi ro đến tất cả CBNV;
- Các “vách ngăn” giữa các bộ phận làm giảm hiệu quả luồng công việc đã được Ban lãnh đạo nhận diện và tìm cách cải thiện để “tinh gọn” bộ máy và hướng đến mục tiêu chung;
- Việc nhận diện rủi ro trong quá trình triển khai hợp đồng, dự án đã được các cấp quản lý quan tâm chú trọng, tuy nhiên trước áp lực doanh thu và phát triển thị phần, khách hàng thì cách thức xử lý rủi ro cần quyết liệt và triệt để hơn.

TỪ NHỮNG NHÌN NHẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017, CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO CHO 2018 ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG NHƯ SAU:

Tên rủi ro	Biện pháp quản trị
Đối với rủi ro chiến lược.	Rủi ro chiến lược bắt nguồn trong từng loại hình ngành nghề kinh doanh và tại từng thời điểm, ví dụ như sự thay đổi nhu cầu tiêu dùng hoặc sự kết nối các kỹ thuật công nghệ khiến sản phẩm của Công ty trở thành lỗi thời., vạch rõ các rủi ro tiềm ẩn theo đặc trưng của mảng kinh doanh và của từng hợp đồng/dự án để có phương án phòng ngừa/giảm thiểu, tăng cường các hình thức liên doanh liên kết trong quá trình triển khai; Ưu tiên đầu tư nghiên cứu xây dựng sản phẩm lõi và sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng, xác định nguồn lực cốt lõi cần thiết để hoàn thành mục tiêu..
Đối với rủi ro hoạt động.	Cải tiến chương trình quản lý chất lượng đồng bộ với hoàn thiện bộ máy tổ chức trong Công ty và từng bộ phận, từ phân chia nhiệm vụ sản xuất đầu vào đến kiểm tra sản phẩm đầu ra. ELCOM sẽ tăng cường công tác tin học hóa công tác quản lý chất lượng, theo đó nhiều quy trình xử lý công việc sẽ được thực hiện thông qua phần mềm quản lý.
Đối với rủi ro tài chính.	Để quản lý loại rủi ro này, ELCOM chú trọng công tác xây dựng kế hoạch dòng tiền, cân đối nguồn tiền thu – chi đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh, đánh giá tiềm lực tài chính của khách hàng, nhà cung cấp để có cơ chế tín dụng phù hợp, đồng thời sử dụng các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch quyền chọn hay hợp đồng tương lai dự phòng cho biến động tỷ giá.

TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHAN CHIẾN THẮNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN MẠNH HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông TRẦN HÙNG GIANG
Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông NGÔ NGỌC HÀ
Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN ĐỨC THIÊN
Thành viên Hội đồng Quản trị



Bà LÊ THỊ LỆ HẰNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
(Từ nhiệm kể từ ngày
05/02/2018)



Ông NGUYỄN KHẮC HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông PHAN CHIẾN THẮNG
Tổng Giám đốc



Ông TRẦN HÙNG GIANG
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN MẠNH HẢI
Phó Tổng Giám đốc



Ông PHẠM MINH THẮNG
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGÔ NGỌC HÀ
Phó Tổng Giám đốc
(Bổ nhiệm kể từ ngày
01/12/2017)



Bà ĐẶNG THỊ THANH MINH
Kế toán trưởng

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà Hoàng Thị Phương Thúy
Thành viên Ban kiểm soát



Bà Vũ Thị Ngân Hà
Thành viên Ban kiểm soát



Ông Nguyễn Duy Hưng
Trưởng ban kiểm soát
(Từ nhiệm kể từ ngày
05/02/2018)

DỮ LIỆU CỔ ĐÔNG

Thông tin chung về cổ phiếu ELC

- Số lượng cổ phiếu phổ thông tại thời điểm 31/12/2017 là 50.928.243 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2017 là 50.916.853 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2017 là 11.390 cổ phiếu
- Chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền: 8%/cổ phiếu, trong đó:

Tạm ứng cổ tức bằng tiền:	6%/cổ phiếu	Chi trả cổ tức bằng tiền còn lại	2%/cổ phiếu
Ngày đăng ký cuối cùng	20/04/2017	Ngày đăng ký cuối cùng	21/09/2017
Ngày thanh toán	11/05/2017	Ngày thanh toán	18/10/2017

- Tăng vốn điều lệ:

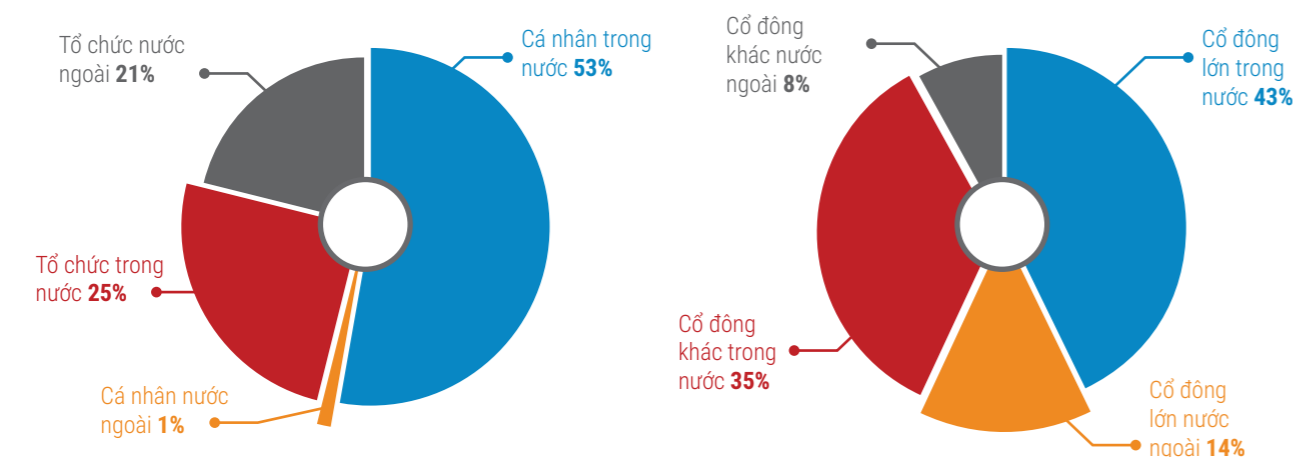
Phát hành thêm cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để tài trợ cho chương trình ESOP năm 2017

Ngày phát hành	21/03/2017
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.000.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu:	cổ phiếu phổ thông
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
Hạn chế chuyển nhượng	1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016: 7%/cổ phiếu

Ngày đăng ký cuối cùng	21/09/2017
Ngày giao dịch	26/10/2017

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2017) theo tỷ lệ sở hữu



Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2017

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.843.223	8,25	4.227.306	8,30	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
2	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	2.695.890	5,79	2.988.437	5,87	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ

3	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	2.508.836	5,38	2.967.515	5,83	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
4	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	2.229.715	4,79	2.432.130	4,78	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
5	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	1.107.409	2,38	1.220.653	2,40	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
6	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT			24.824	0,05	Mua, cổ tức
7	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	700		25.573	0,05	Mua, cổ tức
8	Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	205.917	0,44	223.957	0,44	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
9	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	16.602	0,04	49.251	0,10	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
10	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	3.261	0,01	6.643	0,01	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
11	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	82.017	0,18	115.367	0,23	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
12	Ngô Thị Hồng Hiền	Em gái của TV HĐQT Ngô Ngọc Hà	1.100	0,002	2.289	0,004	Mua, cổ tức, thưởng CP quỹ
13	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Chủ tịch HĐQT Phan Chiến Thắng	519.663	1,09	651.665	1,28	Mua, cổ tức
14	HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	4.171.348	8,95	0		Sáp nhập
15	SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	0		4.195.842	8,23	Sáp nhập

Sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn tại ngày 31/12/2017

Stt	Tên cổ đông	Chức danh/Quan hệ với Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	8.799.294	17,28
2	Công ty TNHH Đầu tư DT&T	Cổ đông lớn	3.105.514	6,10
3	VIETNAM EQUITY HOLDING	Cổ đông lớn	2.538.792	4,99
4	SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	4.195.842	8,24
5	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	2.713.267	5,33
6	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.967.515	5,83
7	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	1.220.653	2,40
8	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.227.306	8,30
9	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.988.437	5,87
10	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	2.432.130	4,78
11	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	25.573	0,05
12	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	24.824	0,05
13	Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	223.957	0,44
14	Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban kiểm soát		
15	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	6.643	0,01
16	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	49.251	0,10
17	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	115.367	0,23

02

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2017	32
ĐÁNH GIÁ CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG	33
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	36
MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC 2018	37



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

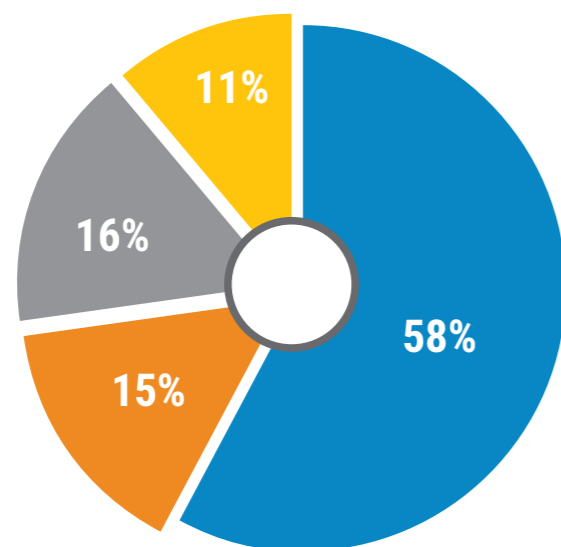
KẾT QUẢ SXKD 2017

Năm 2017 là một năm hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn của Elcom. Trong bối cảnh thị trường của các mảng kinh doanh chính của Công ty như Viễn thông, Giao thông đều có những bước "chững lại" do các hoạt động đầu tư, các dự án đều bị chậm, kéo dài thì các doanh nghiệp công nghệ thông tin hoạt động trong các lĩnh vực đó trong đó có Elcom đều bị ảnh hưởng không nhỏ, kéo theo các chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong 2017 chưa hoàn thành mục tiêu kế hoạch của năm.

Các chỉ tiêu thực hiện 2015 - 2017				
Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2014	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	330,62	723,27	1.301,58	561,39
Lợi nhuận sau thuế	61,83	73,15	94,14	45,08

Cơ cấu theo các mảng kinh doanh

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2017



■ Viễn thông ■ Giao thông ■ An ninh quốc phòng ■ Khác

Trong kết quả kinh doanh năm 2017, mảng viễn thông vẫn là mảng truyền thống chiếm tỷ trọng trên 50% bên cạnh 2 mảng chính tiềm năng khác là Giao thông và An ninh Quốc phòng. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của thị trường Giao thông trong giai đoạn vừa qua, tỷ trọng mảng Giao thông có sự sụt giảm ngắn hạn so với năm trước. Các mảng mới như Nông nghiệp công nghệ cao đang dần mang lại những kết quả ban đầu đóng góp trong cơ cấu chung của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG

MẢNG VIỄN THÔNG



Nhận định chung

Năm 2017 là một năm khó khăn với các nhà mạng Viễn thông trên toàn cầu nói chung, cũng như của Việt Nam nói riêng, khi các dịch vụ cơ bản như thoại, SMS sụt giảm doanh thu đáng kể, lượng thuê bao đạt mức bão hòa hầu như không có tăng trưởng thuê bao cho cá dịch vụ cơ bản. Các nhà mạng tại Việt nam cạnh tranh khốc liệt về giá để duy trì ổn định lượng thuê bao.

Tuy nhiên, 2017 là năm đánh dấu các nhà mạng chính thức hoàn thành phủ sóng 4G giai đoạn 1 và chính thức cung cấp các dịch vụ cơ bản trên nền tảng 4G, dự kiến sẽ là điều kiện để cung cấp hàng loạt các dịch vụ mới hấp dẫn trong các năm tới.

Kết quả hoạt động:

Trong năm 2017, ELCOM góp phần quan trọng trong các dự án nâng cao băng thông phục vụ phát triển các dịch vụ 4G của các nhà mạng Mobifone và VNPT, tiếp nối các dự án về mảng truyền dẫn đã thực hiện, với năng lực và kinh nghiệm của mình, Elcom được khách hàng tin tưởng lựa chọn triển khai các dự án về truyền dẫn, backbone mở rộng, truyền dẫn viba,... Mảng chia sẻ doanh thu các dịch vụ VAS vẫn là mảng đem lại một phần doanh thu ổn định, tỷ suất lợi nhuận cao cho mảng Viễn thông, bên cạnh đó,

các sản phẩm truyền thống tiêu biểu như MCA, CRBT,... tiếp tục khẳng định thương hiệu tại các nhà mạng di động của Việt Nam và được cung cấp ra thị trường nước ngoài như Myama, Burundi, Mozambique,... Các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công nghệ cao được duy trì, triển khai.

Tuy nhiên, một số các dự án lớn, thời gian triển khai cũng như trình tự dự án bị kéo dài, dẫn đến không kịp ký hợp đồng hoặc triển khai ghi nhận doanh thu vào năm 2017.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

MẢNG AN NINH/QUỐC PHÒNG

Nhận định chung

Mảng An ninh Quốc phòng thường xuyên duy trì được kết quả và sự đóng góp tương đối ổn định của mảng trong các năm gần đây. Và trong năm 2017, mảng vẫn tiếp tục triển khai các dự án cung cấp các sản phẩm giải pháp công nghệ cao trọng điểm về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin cho các đơn vị thuộc Bộ quốc phòng.

Kết quả hoạt động:

Với tính chất các dự án là các giải pháp CNTT, an ninh an toàn bảo mật dựa trên các yêu cầu đặc thù, ELCOM tập trung nghiên cứu công nghệ, sản phẩm phục vụ lĩnh vực quân sự, quốc phòng chuyên sâu về an ninh, an toàn mạng, giám sát AIS, vệ tinh VSAT,... , đưa ra các giải pháp, ứng dụng thực tế mang lại các kết quả tích cực để đưa vào kế hoạch của khách hàng là tiền đề để cho các dự án triển khai năm 2018.



MẢNG GIAO THÔNG



Nhận định chung

Giai đoạn 2016 – 2017, vốn đầu tư cho giao thông vận tải và các mảng về giải pháp ứng dụng công nghệ trong giao thông bị tiếp tục giảm sút mạnh do các dự án BOT thuộc Bộ GTVT hầu hết đều bị tạm dừng. Dẫn đến việc triển khai các các sản phẩm chiến lược của Elcom trong mảng Giao thông vận tải như WIM, MTC, VTS, ITS,... chưa thực hiện kịp trong năm.

Elcom vẫn tiếp tục triển khai được một số dự án về WIM, MTC và đặc biệt hoàn thành dự án về hệ thống thu phí tự động không dừng (Front – end). Tuy nhiên sự sụt giảm so với năm 2016 là thấy rõ. Do vậy kết quả hoàn thành kế hoạch chưa cao và tỷ trọng đóng góp của mảng suy giảm. Tuy nhiên sự sụt giảm của mảng giao thông trong năm 2017 được đánh giá chỉ trong ngắn hạn.

Về mặt tiềm năng và nhu cầu thị trường ở Việt Nam vẫn còn rất lớn, đặc biệt xu hướng triển khai ITS cao tốc và nội đô được đặt ưu tiên cao của chính phủ và bộ GTVT. 2017 ELCOM đã hoàn thiện các sản phẩm giao thông thông minh ITS cho cao tốc, nội đô nhằm sẵn sàng đáp ứng tốc độ phát triển và nhu cầu thị trường từ 2018-2010.

MẢNG NÔNG NGHIỆP CNC

Nhận định chung

Là mảng mới, được kỳ vọng có những kết quả khả quan từ năm 2017 sau giai đoạn thử nghiệm và xâm nhập thị trường. Trong năm 2017 kết quả kinh doanh của mảng nông nghiệp công nghệ cao bắt đầu có tín hiệu khả quan, mở ra thị trường tiềm năng và phát triển hoàn thiện giải pháp sản phẩm đã đạt được nhiều kết quả tốt, tạo tiền đề để phát triển mảng nông nghiệp công nghệ cao trong những năm tới.

Kết quả hoạt động:

Về giải pháp sản phẩm, Elcom đã hoàn thiện các giải pháp nông nghiệp công nghệ cao đưa vào sử dụng, tập trung trước mắt vào các công nghệ chăm sóc tự động các loại rau và hoa màu bằng giải pháp Egreen, cung cấp hệ thống nhà màng tưới tiêu, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường nhà màng tự động quy mô lớn. Phát triển các giải pháp ứng dụng IOT, CNTT tạo hệ sinh thái, hướng tới đưa ra các giải pháp toàn diện trong lĩnh vực này.

Về mặt thị trường, Elcom đã ký kết các thỏa thuận hợp tác với các khách hàng lớn như VinEco để cung cấp các giải pháp nông nghiệp cho VIN, tiếp cận và mở ra nhiều cơ hội với các farm lớn như Trường Hoàng, Dabeco, Dalathasfarm,... ELCOM đã hiện diện như là một doanh nghiệp uy tín với thị trường Lâm đông, là thị trường Nông nghiệp lớn nhất Việt Nam, bên cạnh duy trì các đối tác bắt tay từ đầu cùng Elcom như PAN Group,... Các kết quả đã đạt được trong năm 2017 sẽ là những nền tảng để giai đoạn từ 2018 mảng Nông nghiệp công nghệ cao bắt đầu mang lại những kết quả kinh doanh khởi sắc hơn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu chính	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/Giảm
Tài sản và nguồn vốn			
1. Tài sản			
- Ngắn hạn	837.739.419.817	768.877.823.874	(68.861.595.943)
- Dài hạn	322.730.991.079	287.807.352.880	(34.923.638.199)
2. Nguồn vốn			
- Nợ ngắn hạn	282.569.175.776	208.242.400.850	(74.326.774.926)
- Nợ dài hạn	91.813.895.510	54.842.109.549	(36.971.785.961)
- Nguồn vốn CSH	786.087.339.610	793.600.666.355	7.513.326.745

CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu chính	Năm 2016	Năm 2017
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,96	3,69
- Hệ số thanh toán nhanh	2,54	2,74
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	32,26%	24,90%
- Hệ số nợ/Vốn CSH	47,63%	33,15%
3. Năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	7,18	2,65
- Vòng quay công nợ phải thu	2,10	1,02
- Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,12	0,53
4. Khả năng sinh lời		
- Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	0,09	0,10
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,07	0,08
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,12	0,06
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,08	0,04

MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC 2018

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

Trong bối cảnh thị trường năm 2017 gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh không được như kỳ vọng; BLĐ, HĐQT Công ty Elcom đã có những nhìn nhận, đánh giá lại về mọi mặt kể cả về thị trường/khách hàng lẫn các yếu tố bên trong Công ty để có những định hướng, chiến lược và những thay đổi phù hợp để vượt qua những khó khăn, nắm bắt cơ hội thị trường để tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp.

Elcom tiếp tục khẳng định vẫn sẽ là một trong những công ty về công nghệ hàng đầu của Việt Nam. Tuy nhiên trong bối cảnh thị trường có nhiều thay đổi, Elcom sẽ có những thay đổi mô hình kinh doanh để phù hợp nhằm tạo ra những sự độc lập, ít phụ thuộc vào các biến động của thị trường nhưng đồng thời cũng linh hoạt nắm bắt cơ hội.

Những mảng hiện Elcom đang hoạt động hiệu quả, sản phẩm/dịch vụ khẳng định được thế mạnh và thị trường có tiềm năng lớn sẽ được Công ty chú trọng đầu tư tương xứng, có chiến lược để khai thác hết tiềm năng phát triển và hiệu quả các mảng đó.

Các mảng kinh doanh chiến lược sẽ được tổ chức theo hướng linh hoạt để thích ứng với từng giai đoạn và nắm bắt các cơ hội nhạy bén.

Công ty cũng sẽ đầu tư sâu cho hoạt động R&D để tạo ra những nền tảng công nghệ, SP/GP xâm nhập thị trường. Đồng thời có những hướng đầu tư mới, mạo hiểm hơn để có những bước đi đột phá, tiên phong.

MỤC TIÊU CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG

Mảng kinh doanh SI:

Viễn thông:

Năm 2018 với xu hướng các nhà mạng tiếp tục phát triển mở rộng các dịch vụ trên nền tảng 4G:

- Yêu cầu nâng cao dung lượng băng thông và bổ sung các tuyến truyền dẫn tăng cao
- Các dịch vụ cung cấp trên nền tảng 4G sẽ được triển khai nhằm thúc đẩy phát triển kinh doanh các nhà mạng trong bối cảnh các dịch vụ cơ bản suy giảm là hướng đi bắt buộc
- Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp cung cấp giải pháp như Elcom trong năm 2018 và các giai đoạn tiếp theo.
- Tuy nhiên, năm 2018 được xác định vẫn là một năm chưa thuận lợi của thị trường viễn thông trong bối cảnh chung của mảng và bối cảnh riêng của các khách hàng lớn.

Mục tiêu:

- Nằm trong top 2 các nhà cung cấp các giải pháp truyền dẫn không dây và có dây
- Nằm trong top 3 các nhà cung cấp các giải pháp dịch vụ giải pháp trên OSS/BSS và các dịch vụ GTGT trên nền tảng 4G
- Tăng trưởng ít nhất 15% mảng cung cấp dịch vụ bảo trì hỗ trợ kỹ thuật cho các hệ thống CNTT và hạ tầng truyền dẫn

An ninh quốc phòng:

Nhu cầu an toàn thông tin mạng hiện tại vẫn là nhu cầu cấp thiết, nên việc đầu tư các giải pháp trong lĩnh vực này hiện đang được BQP và BCA rất coi trọng. Với tiền đề các cơ hội, dự án được hình thành đăng ký 2017, năm 2018 một số dự án lớn, quan trọng sẽ được triển khai, tập trung vào các giải pháp An ninh an toàn thông tin, Các dự án nâng cấp truyền dẫn thông tin, các giải pháp chặn thu ...

- Top đầu các nhà cung cấp về các giải pháp an ninh an toàn thông tin
- Top đầu về nhà cung cấp giải pháp chặn thu

Mảng kinh doanh ITS và Hàng hải

Năm 2018 các dự án về ITS đường cao tốc, cũng như ITS cho nội đô được chính thức bắt đầu triển khai. Các thành phố lớn và một số tỉnh đã có những nhu cầu và chủ trương rất rõ ràng, mạnh mẽ. Theo đó, hàng loạt các cơ hội, dự án về ITS sẽ được sớm triển khai trong giai đoạn tới.

Bên cạnh đó, các sản phẩm mạnh Elcom đã cung cấp và có thị phần như WIM, thu phí sẽ tiếp tục được cải tiến, nâng cấp trong năm 2018. hướng tới mục tiêu thu phí không dừng, dịch vụ GPS, hóa đơn điện tử hay Kiểm soát tải trọng và quá khổ

quá tải thông minh,...để có thể chiếm lĩnh nhanh thị trường tiềm năng này.

Ngoài mảng đường bộ, Mảng Hàng hải năm 2018 ELCOM ngoài các dự án VTS cho các thành phố lớn đã được Elcom triển khai thành công, sẽ tập trung vào các dự án VTS cho các cảng nhỏ, tiến tới triển khai hệ thống VTS trên diện rộng ở tất cả các cảng vụ trên toàn quốc. Bên cạnh đó, ELCOM tiếp tục cung cấp các phần mềm cho các cảng vụ, các cục đường thủy,...và đưa ra giải pháp tổng thể kết nối dữ liệu tập trung về hàng hải phục vụ cho công tác quản trị, điều hành thống nhất

Mục tiêu:

- Có ít nhất 1 dự án ITS Cao tốc và 1 dự án cho ITS nội đô
- Chiếm 30% thị phần mảng WIM, thi phí, MTC, ETC...
- Có ít nhất 2 dự án VTS cho các cảng nhỏ

Mảng kinh doanh VAS::

Đây là mảng luôn mang lại những kết quả ổn định với biên lợi nhuận tốt, đã chứng minh được chiến lược phát triển đúng đắn, nhanh nhạy của BLĐ, HĐQT Công ty Elcom.

Để mảng VAS phát huy hơn nữa những thế mạnh của mảng, từ 2018, Elcom sẽ có những đầu tư thích đáng cho mảng VAS, tổ chức thành mảng hoạt động độc lập để chủ động phát triển. Bên cạnh các dịch vụ đang triển khai sẵn có sẽ được đầu tư để mở ra các dịch vụ mới, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu vượt trội so với năm 2017, góp phần dịch chuyển cơ cấu doanh thu từ dự án sang dần doanh thu bền vững qua các dịch vụ chia sẻ doanh thu và các dịch vụ cung cấp đến End user

Mục tiêu:

- Tăng trưởng doanh thu ít nhất 30% so với 2017,
- Có 2 giải pháp mới đưa vào ứng dụng trong 2018
- Sở hữu 200.000 tập thuê bao khách hàng đầu cuối trên các dịch vụ của ELCOM

Mảng kinh doanh EGREEN (Nông nghiệp):

Với những tiền đề của năm trước, năm 2018 Elcom sẽ triển khai rộng hơn việc cung cấp các sản phẩm giải pháp Egreen của mình tới các khách hàng doanh nghiệp lớn như VinEco, Trường Hoàng, PSB, NSC, DABACO,.. và tiến tới mở rộng thị trường sang các khách hàng lớn khác như Thtrumilk, FLC, T&T, các doanh nghiệp ở Lâm đồng, khu vực miền Bắc, Trung, Nam.

Mảng Nông nghiệp công nghệ cao cũng sẽ được chú trọng đầu tư thích đáng và chiến lược cụ thể để có những khẳng định và chiếm lĩnh thị trường đồng thời hướng theo hướng phát triển cao, tổng thể hơn liên quan tới các ngân hàng dữ liệu về quy trình phát triển và chăm sóc các loại cây, hoa màu, để quy chuẩn thành dịch vụ cung cấp dữ liệu, cũng như đưa ra các giải pháp toàn diện trong lĩnh vực này, với mục đích cao hơn là phát triển một ngành nông nghiệp mạnh của Việt Nam.

Mục tiêu:

- Là nhà cung cấp giải pháp NN Công nghệ cao số 1 Việt nam
- Là đối tác chính của các DN VinEco, FLC, Hasfarm, PSB..
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái NN công nghệ cao trên nền tảng giải pháp Efarm đưa vào triển khai, sử dụng

Mảng kinh doanh eHOTEL:

Trên sự thành công của lĩnh vực Ehotel, đẩy mạnh và phát huy, nghiên cứu phát triển, cung cấp các giải pháp công nghệ, phần mềm, dịch vụ cho khách hàng trong các lĩnh vực chuyên ngành và đa ngành

Mục tiêu:

- Nhà cung cấp số 1 về IPTV cho Hotel/Resort tại Việt Nam

MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC 2018 (Tiếp theo)

- Xây dựng các đối tác thương mại, đại lý bán hàng tại: Myanar, Lào, Campuchia. Mỗi thị trường có ít nhất 1 đối tác
- Trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khu vực cung cấp hệ sinh thái giá trị gia tăng mới cho khách hàng trong các lĩnh vực Hospitality, Review and Feedback và Agri Economics

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ

ELCOM luôn xác định nghiên cứu công nghệ là cốt lõi tạo ra sự bền vững và giá trị lâu dài cho các sản phẩm dịch vụ. Các công nghệ đã nghiên cứu đều đã mang lại tác dụng tốt cho SXKD của công ty.

Mục tiêu 2018:

- Hoàn thiện các công nghệ ứng dụng để hoàn thiện các giải pháp ITS phục vụ đường cao tốc, ITS nội đô hướng tới các giải pháp Smart City, Safe City
- Phát triển các công nghệ hướng tới các giải pháp tổng thể về chặn thu: Vệ tinh, AIS, HF... phục vụ thị trường ANQP, Hàng Hải và Thủy sản
- Phát triển các công nghệ IoT, OTT để làm nền tảng các dịch vụ ứng dụng mới cho mảng Viễn thông và các khách hàng End User
- Đẩy mạnh đón đầu nghiên cứu các công nghệ mới như AI, Machine Learning và Block Chain... cho các mảng Security, an toàn thông tin, an ninh mạng.

MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2018

Mục tiêu Công ty	Năm 2018	Năm 2017	Tăng trưởng
Doanh thu ghi nhận (tỷ đồng)	680	561,39	21,3%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	52	45,08	15,4%

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

T/M BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN CHIẾN THẮNG

03

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	42
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	48



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa toàn thể quý vị cổ đông và các vị khách quý

Hội đồng Quản trị Công ty (“HDQT”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động ELCOM 2017 và định hướng chiến lược năm 2018 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017 là một năm khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với kết quả kinh doanh không đạt được so với chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã thông qua, cụ thể như sau:

- Doanh thu: 561.39 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 56.83 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 45.08 tỷ đồng

(Theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán của Công ty)

Tình hình phát triển của các mảng thị trường:

Các mảng thị trường truyền thống như Viễn thông, giao thông, an ninh quốc phòng vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong đó, Viễn thông đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu là 58%, mảng thị trường an ninh quốc phòng chiếm 16% và mảng thị trường giao thông chiếm tỷ trọng 15% tổng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, năm 2018 là một năm các mảng thị trường này của Công ty gặp nhiều biến động và khó khăn vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, dẫn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận không đạt mục tiêu đề ra.

Riêng mảng nông nghiệp công nghệ cao, các sản phẩm của Công ty đã triển khai và cung cấp cho các tập đoàn lớn hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp như VinEco, Pan Group, Trường Hoàng, Dabeco, Dalathasfarm... Các sản phẩm giải pháp nông nghiệp công nghệ cao cũng ngày càng hoàn thiện và đa dạng tập trung vào các công nghệ chăm sóc tự động các loại rau và hoa màu, cung cấp hệ thống nhà màng tưới tiêu đảm bảo tiêu chuẩn môi trường nhà màng tự động quy mô lớn, tiến tới thành lập các ngân hàng dữ liệu về quy trình phát triển và chăm sóc các loại cây, hoa màu, để quy chuẩn thành dịch vụ cung cấp dữ liệu và đưa ra các giải pháp toàn diện trong lĩnh vực này.

Cơ cấu tổ chức - nhân sự:

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục tinh lọc nguồn lực để quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo trẻ kế cận nhằm giao phó những vị trí nòng cốt, đảm nhận trọng trách quan trọng trong tổ chức và phát triển những khối kinh doanh – kỹ thuật – công nghệ chính của Công ty.

Đồng thời, để đảm bảo hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, Hội đồng quản trị đã tiến hành miễn nhiệm một Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một thành viên Phó Tổng Giám đốc thay thế.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Thông tin về thành viên HDQT, các cuộc họp HDQT năm 2017

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người (Bà Lê Thị Lệ Hằng xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 05/02/2018)

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và thông qua các quyết định sau:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HDQT	10	100%	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	10	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	10	100%	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	10	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	10	100%	
8	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	10	100%	
9	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	10	100%	

2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HDQT đã tiến hành giám sát và có những quyết sách chỉ đạo tình hình kinh doanh của Công ty cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 như sau:

- Giám sát chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính năm 2017 của Công ty;
- Lập kế hoạch kinh doanh năm 2017 và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017;
- Chỉ đạo việc hoàn thành và công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2017 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Chỉ đạo thực hiện việc phát hành cổ phiếu ESOP năm 2017;
- Chỉ đạo thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt (tỷ lệ 8%) và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 7%);
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm một số thành viên Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017;

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Các tiểu ban Hội đồng quản trị đã tham gia tư vấn, giám sát, tham mưu cho Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01-02/2017/NQ-HĐQT	16/02/2017	Thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV Công ty
02	03-03/2017/NQ-HĐQT	28/03/2017	Thông qua tái cấp hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Thành cấp cho Công ty
03	02-03/2017/NQ-HĐQT	31/03/2017	Thông qua phương án chi trả tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt
04	01-06/2017/NQ-HĐQT	07/06/2017	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017
05	02-06/2017/NQ-HĐQT	28/06/2017	Thông qua bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm một số chức danh quản lý công ty
06	01-07/2017/NQ-HĐQT	03/07/2017	Thông qua tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội
07	01-08/2017/NQ-HĐQT	15/08/2017	Thông qua việc triển khai chi trả cổ tức còn lại năm 2016
08	01-12/2017/NQ-HĐQT	01/12/2017	Thông qua việc thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc
09	02-12/2017/NQ-HĐQT	11/12/2017	Thông qua việc thay đổi người đại diện quản lý vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH VTS Hải Phòng
10	03-12/2017/NQ-HĐQT	15/12/2017	Thông qua việc thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty theo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016

1. Thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 như sau:

- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức danh điều hành mức chi trả thù lao là 5 triệu đồng/thành viên/tháng
- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành sẽ chi trả cho các vị trí điều hành đó từ nguồn chi phí theo kế hoạch kinh doanh năm 2017.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2018 – 2020 VÀ MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

1. Định hướng chiến lược 2018 – 2020

1.1 Đầu tư nghiên cứu công nghệ theo xu hướng 4.0 để tạo ra các sản phẩm ưu việt có tính ứng dụng và cạnh tranh cao:

- Phát triển Trung tâm nghiên cứu công nghệ ELCOM (Trung tâm R&D).
- Xây dựng công nghệ nền tảng Internet of things (IoT) cho mảng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Ứng dụng công nghệ Artificial intelligence (AI) trong các sản phẩm giao thông thông minh để tạo ra các sản phẩm ưu việt, có khả năng cạnh tranh cao về ứng dụng thực tiễn và giá thành so với các đối thủ trong và ngoài nước.
- Xây nền tảng dữ liệu lớn Bigdata cho giao thông thông minh ứng dụng công nghệ AI để tạo ra nền tảng cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng.

1.2 Tăng trưởng và phát triển bền vững:

- Đảm bảo tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận hàng năm đạt hai chữ số.
- Cơ cấu tổ chức và phát triển các mảng kinh doanh theo hướng chủ động kiểm soát được hiệu quả sản xuất kinh doanh từng mảng, tránh phụ thuộc lẫn nhau, cụ thể:
 - Đẩy mạnh kinh doanh mảng dịch vụ giá trị gia tăng (Value Added Services - VAS) với nguồn thu ổn định, tỷ suất lợi nhuận cao, nhằm cung cấp các dịch vụ trên nền tảng chia sẻ doanh thu với nhà mạng và tự kinh doanh các dịch vụ trên nền tảng internet đến người dùng cuối.
 - Phát triển kinh doanh mảng giao thông thông minh (Intelligent Transport System - ITS), thành phố thông minh: nghiên cứu và phát triển các giải pháp sản phẩm lõi, dài hạn của ELCOM dựa trên các nền tảng công nghệ tiên tiến như AI, Bigdata, IoT... để cung cấp cho thị trường sơ khai, đầy tiềm năng tại Việt Nam, tiến tới cung cấp ra các thị trường nước ngoài.
 - Phát triển kinh doanh mảng nông nghiệp công nghệ cao (EGREEN): tập trung giải pháp chuỗi farm từ công nghệ cải tạo đất, giải pháp nhà kính, hệ thống điều khiển thông minh, cây trồng và nền tảng quản lý chuỗi sản xuất farm dựa trên nền tảng IoT (eFarm).
 - Phát triển kinh doanh mảng eHotel: Thành lập Công ty con kinh doanh trong mảng kinh doanh này nhằm cung cấp hệ sinh thái giá trị gia tăng mới cho khách hàng trong các lĩnh vực Hospitality, Review and Feedback and Agri Economics.
 - Củng cố và phát triển kinh doanh mảng System Integration (SI): Hợp tác với các đối tác công nghệ lớn trên thế giới nhằm cung cấp các giải pháp công nghệ, sản phẩm, dịch vụ tiên tiến, phù hợp với nhu cầu của thị trường Việt Nam cho các khách hàng trong nước.

1.3 Mảng đầu tư các dự án mới:

Đầu tư các dự án mới, khả thi nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới mang tính đột phá phù hợp với định hướng phát triển các mảng kinh doanh và gắn với giá trị cốt lõi của Công ty.

1.4 Tăng cường hợp tác với các tập đoàn, đối tác công nghệ lớn:

Tìm kiếm và hợp tác kinh doanh với các hãng công nghệ lớn trên thế giới để chuyển giao công nghệ, thúc đẩy và tạo ra các cơ hội kinh doanh, cung cấp các giải pháp, sản phẩm dịch vụ tiên tiến, chất lượng cao tới các khách hàng tại thị trường trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2018

- Trung tâm R&D:** mục tiêu làm chủ toàn bộ giải pháp nền tảng AI, ứng dụng vào sản phẩm giao thông thông minh và bảo mật (security) cho các mảng kinh doanh.
- Mảng kinh doanh VAS:** Tập trung duy trì, tăng trưởng doanh thu các dịch vụ đang có. Đồng thời, phát triển các dịch vụ mới dựa trên khai thác các dịch vụ và tập khách hàng đang có. Cung cấp tối thiểu hai dịch vụ mới trên nền tảng internet nhằm đẩy mạnh phát triển kinh doanh từ năm 2019
- Mảng kinh doanh ITS:** tập trung khai thác, chiếm lĩnh thị trường trong nước. Ứng dụng các công nghệ mới như AI, IoT, Bigdata để nghiên cứu, phát triển các sản phẩm giải pháp giao thông thông minh đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng theo từng thời kỳ. Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu lớn trong lĩnh vực này, tiến hành hợp tác kinh doanh với các đối tác nhằm khai thác các dịch vụ liên quan trên nền tảng cơ sở dữ liệu này.
- Mảng kinh doanh EGREEN:** tiếp tục cung cấp ra thị trường các giải pháp, sản phẩm chất lượng cao, mở rộng số lượng, đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp lớn trong nước đầu tư vào nông nghiệp, các doanh nghiệp vốn nước ngoài đầu tư vào VN, hiệp hội nông nghiệp, các tỉnh..., đưa nền tảng dFarm triển khai tại các farm có quy mô vừa và lớn

Mảng kinh doanh eHOTEL:

- Mảng Hospitality: Giữ vững vị trí số 1 về giải pháp IPTV cho KS/RS tại thị trường VN. Thúc đẩy bán hàng cho các sản phẩm: PMS/eSmile/eSignage. Đẩy mạnh mảng điện nhẹ. Phát triển thị trường khu vực Asia: Xây dựng các đối tác thương mại, đại lý bán hàng tại: Myanar, Lào, Campuchia. Mỗi thị trường có ít nhất 1 đối tác
- Mảng Review & Feedback: - Hoàn thiện nền tảng Cloud Feedback cung cấp dưới dạng SaaS - Đẩy mạnh marketing cho sản phẩm eSmile, định hướng vào các chuỗi kinh doanh, bán lẻ

Mảng kinh doanh SI: phát huy thế mạnh về năng lực và kinh nghiệm của Công ty, hợp tác với các hãng công nghệ uy tín nước ngoài để triển khai các dự án có quy mô lớn nhằm tích hợp và cung cấp các giải pháp, sản phẩm phù hợp với xu hướng công nghệ tiên tiến trên thế giới cho các khách hàng lớn trong nước.

Mảng đầu tư các dự án mới: Tập trung hoàn thành sản phẩm và cung cấp sản phẩm dịch vụ ra thị trường trong năm 2018 cho một số dự án mới Công ty đang triển khai, bắt đầu ghi nhận doanh thu từ các dự án này từ năm 2019.

Với mục tiêu và định hướng như trên, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2017 (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	680,0	561,39	21,1%
Lợi nhuận sau thuế	52,2	45,08	15,8%
Tỷ lệ cổ tức			

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

**T/M BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHAN CHIẾN THẮNG



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông.

- **Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông;**
- **Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017;**
- **Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.**

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2018 các nội dung như sau:

I. Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ công ty, trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành hợp và triển khai các công việc với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát. Các công việc Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Ban kiểm soát cử đại diện tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính các Quý và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Xem xét Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết, công ty góp vốn dài hạn để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các qui định của Pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của Pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2017, HĐQT đã triệu tập và tổ chức các cuộc họp bàn về định hướng sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra theo đúng các qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty đảm bảo lợi ích của hợp pháp của Công ty và cổ đông. Trong năm 2017, HĐQT đã quyết định phê duyệt việc bổ nhiệm ông Ngô Ngọc Hà giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017; phân phối và phát hành thành công 1.000.000 cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty; Chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu theo tỷ lệ tương ứng là 8% bằng tiền và 7% bằng cổ phiếu; Thưởng cổ phiếu cho người lao động.
- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu kinh tế đã được Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm thông qua.
- Tăng cường chỉ đạo các phòng ban chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân

thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc

IV. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán và đưa ra báo cáo với ý kiến chấp thuận. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 như sau:

Về kết quả kinh doanh:	
Doanh thu thuần:	561.394.684.029 đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế:	56.833.355.910 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	45.084.428.745 đồng
(Trong đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 44.832.624.172 đồng)	

Như vậy, so với kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2017 thông qua, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Về tài sản của Công ty:	
Tài sản ngắn hạn:	768.877.823.874 đồng
Tài sản dài hạn:	287.807.352.880 đồng
Tổng tài sản:	1.056.685.176.754 đồng
Tổng nợ vay (ngắn hạn & dài hạn):	136.879.420.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	793.600.666.355 đồng
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:	12.033.551.751 đồng

V. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Việc chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2017 được căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát: 132.000.000 đồng

Các chi phí khác: không

VI. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

Năm 2017, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Ban Kiểm soát cũng đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, từ đó góp phần cùng Ban Điều hành giải quyết các khó khăn phát sinh.

VII. Kiến nghị và kết luận:

Các hoạt động của Công ty năm qua đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty cần có đánh giá tình hình thị trường và định hướng kinh doanh phù hợp để từ đó xây dựng kế hoạch kinh doanh sát với thực tế hơn.

Xin cảm ơn các Quý vị cổ đông.

Kính chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty,
- HĐQT Công ty,
- Các thành viên BKS.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

NGUYỄN DUY HUNG

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2017





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

THÔNG TIN CHUNG	53
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	55
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	56
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	58
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	61
BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	62
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	64

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc

Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/18956583-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Trịnh Xuân Hòa

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		768.877.823.874	837.739.419.817
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	153.707.069.113	102.917.130.476
111	1. Tiền		46.307.069.113	51.964.130.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		107.400.000.000	50.953.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.567.295.740	4.751.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	67.295.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	-	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	19.500.000.000	3.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		394.957.673.793	607.098.095.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	316.817.127.655	528.648.616.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	42.050.278.239	33.515.767.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	28.286.650.000	29.875.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	34.772.251.186	40.737.277.003
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7,8	(26.968.633.287)	(25.678.564.897)
140	IV. Hàng tồn kho	9	197.328.377.409	119.697.125.564
141	1. Hàng tồn kho		197.328.377.409	119.943.012.890
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(245.887.326)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.317.407.819	3.275.524.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		579.406.213	574.208.876
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.738.001.606	2.701.315.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		287.807.352.880	322.730.991.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		39.917.664.544	57.734.973.962
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	39.725.672.044	57.632.688.962
216	2. Phải thu dài hạn khác		191.992.500	102.285.000
220	II. Tài sản cố định		111.293.445.343	127.727.451.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	106.373.654.764	123.528.970.915
222	Nguyên giá		191.279.706.908	216.691.978.550
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(84.906.052.144)	(93.163.007.635)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.919.790.579	4.198.480.338
228	Nguyên giá		13.941.282.381	13.448.574.227
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.021.491.802)	(9.250.093.889)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		341.791.885	341.791.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		341.791.885	341.791.885
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	134.126.741.028	133.908.316.705
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		5.852.970.129	6.260.740.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.768.815.457	131.553.815.457
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.495.044.558)	(3.906.238.752)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.127.710.080	3.018.457.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.069.560.860	1.383.893.584
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.058.149.220	1.634.563.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.056.685.176.754	1.160.470.410.896

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		263.084.510.399	374.383.071.286
310	I. Nợ ngắn hạn		208.242.400.850	282.569.175.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	72.582.173.571	133.171.828.774
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	11.021.227.760	19.807.398.197
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.473.660.535	13.286.570.146
314	4. Phải trả người lao động		5.179.020.792	19.694.335.534
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.777.410.872	6.169.536.781
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		290.176.000	289.408.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.480.236.083	3.403.332.921
320	8. Vay ngắn hạn	16	82.037.310.451	76.748.388.917
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	13.047.974.413	2.982.328.639
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.353.210.373	7.016.047.867
330	II. Nợ dài hạn		54.842.109.549	91.813.895.510
338	1. Vay dài hạn	16	54.842.109.549	65.049.335.834
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	-	26.764.559.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		793.600.666.355	786.087.339.610
410	I. Vốn chủ sở hữu		793.600.666.355	786.087.339.610
411	1. Vốn cổ phần	19.1	509.282.430.000	465.973.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	465.973.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	88.677.010.000	88.697.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(236.900.000)	(1.353.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	37.410.255.576	35.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	141.234.319.028	180.012.576.856
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		96.401.694.856	85.273.429.875
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		44.832.624.172	94.739.146.981
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	12.033.551.751	11.781.747.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.056.685.176.754	1.160.470.410.896



Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	561.394.684.029	1.301.579.187.148
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	561.394.684.029	1.301.579.187.148
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(420.482.253.701)	(1.023.490.251.526)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.912.430.328	278.088.935.622
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.063.225.283	17.260.738.239
22	7. Chi phí tài chính	24	(1.041.538.950)	(14.456.415.781)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(1.815.083.267)	(10.748.143.428)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	12	(407.769.871)	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(2.365.492.590)	(36.769.772.678)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(96.894.557.800)	(134.373.436.893)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.266.296.400	109.750.048.509
31	12. Thu nhập khác	26	5.267.031.718	4.262.402.953
32	13. Chi phí khác	26	(699.972.208)	(2.446.035.899)
40	14. Lợi nhuận khác	26	4.567.059.510	1.816.367.054
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		56.833.355.910	111.566.415.563
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(11.172.512.695)	(17.526.272.784)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(576.414.470)	97.751.647
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		45.084.428.745	94.137.894.426
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.832.624.172	94.739.146.981
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	251.804.573	(601.252.555)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	885	1.720
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	885	1.720



Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		56.833.355.910	111.566.415.563
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		23.488.348.571	33.360.478.305
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(17.028.598.865)	43.736.079.630
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		124.564.970	841.035.431
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.567.831.481)	(14.612.696.324)
06	Chi phí lãi vay	24	1.815.083.267	10.748.143.428
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.664.922.372	185.639.456.033
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		220.641.658.859	(111.453.717.209)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(69.088.090.801)	43.957.032.250
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(98.358.343.256)	39.694.700.345
12	Giảm chi phí trả trước		309.135.387	8.657.806.489
13	Giảm giảm chứng khoán kinh doanh		4.346.920.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.804.479.178)	(10.925.310.358)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.068.808.919)	(24.327.333.140)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.162.837.494)	(3.304.734.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		96.480.076.970	127.937.900.373
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.956.640.000)	(16.117.872.952)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.600.000.000	541.868.342
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.632.000.000)	(25.230.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		37.770.350.000	19.513.700.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.215.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.530.497.600	3.900.016.491
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.597.811.719	2.716.807.734
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.304.980.681)	(14.675.480.385)

BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		9.980.000.000	7.985.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(48.900.000)	(71.500.000)
33	Tiền thu từ đi vay		182.880.016.729	522.259.718.704
34	Tiền trả nợ gốc vay		(196.233.571.786)	(584.249.206.340)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.960.976.670)	(27.445.460.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(40.383.431.727)	(81.521.448.276)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50.791.664.562	31.740.971.712
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	102.917.130.476	70.756.440.806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.725.925)	419.717.958
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	153.707.069.113	102.917.130.476

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 300

(ngày 31 tháng 12 năm 2016: 316).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán của Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- Các chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.10 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.278.539.391	1.825.182.080
Tiền gửi ngân hàng	44.028.529.722	50.138.948.396
Các khoản tương đương tiền (*)	107.400.000.000	50.953.000.000
TỔNG CỘNG	153.707.069.113	102.917.130.476

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,8% đến 6%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	182.880.016.729	522.259.718.704
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(196.233.571.786)	(584.249.206.340)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	206.093.355	-	103.250.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	-	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)
TỔNG CỘNG	67.295.740	206.093.355	4.414.215.740	1.487.498.167	(2.962.671.833)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn (*)	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
	19.500.000.000	19.500.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	
TỔNG CỘNG	19.500.000.000	19.500.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 5,4%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	306.951.603.443	522.208.813.312
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	85.556.941.930	46.353.030.630
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	23.521.073.605	60.066.760.096
- Công ty Comverse Limited	22.761.970.000	20.081.101.000
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	21.770.000.000	21.726.000.000
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	136.972.379.433
- Các khoản phải thu khách hàng khác	153.341.617.908	237.009.542.153
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.865.524.212	6.439.803.286
TỔNG CỘNG	316.817.127.655	528.648.616.598
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	39.725.672.044	57.632.688.962
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	39.725.672.044	57.632.688.962
TỔNG CỘNG	39.725.672.044	57.632.688.962
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.028.357.873)	(3.112.032.414)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(9.028.357.873)	(3.112.032.414)
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	29.050.278.239	20.515.767.145
- Hudson Capital Holding Ltd	8.288.252.280	-
- ISG Technology Pte Ltd	6.124.815.600	-
- Công ty TNHH Techconvina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty TNHH Nhà Nguyễn	-	5.120.219.947
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	296.759.084	2.619.000.000
- Các khoản trả trước khác	6.117.698.505	4.553.794.428
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	42.050.278.239	33.515.767.145

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	14.400.000.000
Cho vay ngắn hạn khác (*)	13.886.650.000	15.475.000.000
TỔNG CỘNG	28.286.650.000	29.875.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(9.400.000.000)	(14.400.000.000)

(*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn một công ty và một số cá nhân với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 6% đến 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	7.525.988.775	13.501.538.353
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	4.289.885.279
Phải thu từ các cá nhân	3.353.760.366	4.353.760.366
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
Phải thu khác	13.486.406.997	11.875.883.236
TỔNG CỘNG	34.772.251.186	40.737.277.003
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(8.540.275.414)	(8.166.532.483)

Trong đó:

<i>Phải thu khác</i>	<i>31.082.365.907</i>	<i>36.447.391.724</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>3.689.885.279</i>	<i>4.289.885.279</i>

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đi đường	2.677.382.615	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	149.481.406.383	-	72.485.902.351	-
Thành phẩm	128.563.045	-	215.928.856	-
Hàng hóa	45.023.993.366	-	47.224.149.683	(245.887.326)
TỔNG CỘNG	197.328.377.409	-	119.943.012.890	(245.887.326)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	245.887.326	1.739.756.107
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	1.365.273.660
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(245.887.326)	(192.043.386)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(2.667.099.055)
Số cuối năm	-	245.887.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	79.913.023.542	84.528.453.523	29.378.039.985	22.723.415.406	149.046.094	216.691.978.550
- Mua trong năm	-	2.394.577.449	-	3.174.387.106	-	5.568.964.555
- Đầu tư XDCB hoàn thành	206.272.727	-	-	-	-	206.272.727
- Phân loại lại	-	25.091.734	-	88.154.360	(113.246.094)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.568.914.285)	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(31.187.508.924)
Số dư cuối năm	78.550.381.984	70.742.153.687	19.239.239.132	22.712.132.105	35.800.000	191.279.706.908
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	4.685.227.417	6.521.672.410	299.444.000	35.800.000	11.542.143.827

Giá trị khấu hao lũy kế

Số dư đầu năm	13.185.703.952	47.247.830.309	21.759.254.689	10.902.039.973	68.178.712	93.163.007.635
- Khấu hao trong năm	3.040.260.815	12.752.238.875	2.347.422.027	3.956.351.979	5.369.983	22.101.643.679
- Phân loại lại	-	(50.405.665)	-	88.154.360	(37.748.695)	-
- Thanh lý, nhượng bán	(740.004.531)	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(30.358.599.170)
Số dư cuối năm	15.485.960.236	43.743.694.500	13.967.875.863	11.672.721.545	35.800.000	84.906.052.144

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm	66.727.319.590	37.280.623.214	7.618.785.296	11.821.375.433	80.867.382	123.528.970.915
Số dư cuối năm	63.064.421.748	26.998.459.187	5.271.363.269	11.039.410.560	-	106.373.654.764

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 16.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	13.405.534.346	43.039.881	13.448.574.227
- Mua trong năm	2.108.015.133	-	2.108.015.133
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Số dư cuối năm	13.898.242.500	43.039.881	13.941.282.381
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	5.337.076.386	-	5.337.076.386
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	9.227.856.627	22.237.262	9.250.093.889
- Hao mòn trong năm	1.378.096.920	8.607.972	1.386.704.892
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Số dư cuối năm	8.990.646.568	30.845.234	9.021.491.802
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	4.177.677.719	20.802.619	4.198.480.338
Số dư cuối năm	4.907.595.932	12.194.647	4.919.790.579

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm (Phân loại lại)		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	5.852.970.129	5.852.970.129	-	5.852.970.129	-	6.260.740.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	5.852.970.129	-	626.074	-	6.260.740.000
Đầu tư cổ phiếu (**)	89.734.549.500	5.495.044.558	84.239.504.942	87.919.549.500	3.906.238.752	84.013.310.748
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.500.736.533	27.089.263.467	1.250.000	28.590.000.000
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	1.032.232.514	25.952.967.486	371.699	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Atani Holdings	1.371.000	13.710.000.000	2.602.075.511	11.107.924.489	1.189.500	11.895.000.000
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	360.000.000	-	36.000	360.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000
Đầu tư dài hạn khác	44.034.265.957	44.034.265.957	-	44.034.265.957	-	43.634.265.957
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000	-	37.771.500.000
Dự án Thanh Trì - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-	5.862.765.957	-	5.862.765.957
Dự án Quản lý xe buýt - Công ty Cổ phần Transmedia		400.000.000	-	400.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	139.621.785.586	5.495.044.558	134.126.741.028	137.814.555.457	3.906.238.752	133.908.316.705

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	42,97%

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	6.260.740.000
Số cuối năm	6.260.740.000
Phân lỗ lũy kế:	
Số đầu năm	-
Lỗ trong năm	(407.769.871)
Số cuối năm	(407.769.871)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.260.740.000
Số cuối năm	5.852.970.129

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn ("Công ty Bắc Kạn") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

Công ty Bắc Kạn đã nhận được quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 8 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đóng cửa mỏ đồng Khuổi Kim - Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì đã giao cho Công ty Bắc Kạn trước đó và giao đất cho UBND xã Liềm Thủy, huyện Na Rì quản lý với diện tích là 272,4 ha.

Sau đó, Công ty Bắc Kạn đã gửi công văn số 08/CV ngày 9 tháng 8 năm 2017 lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xin tiếp tục cấp phép đánh giá và khai thác khoáng sản tại mỏ quặng đồng tại thôn Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 45 ha. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Bắc Kạn vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của UBND Tỉnh Bắc Kạn về công văn yêu cầu này.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Ciena Communications Inc	21.886.025.097	21.886.025.097	20.227.566.468	20.227.566.468
Công ty TNHH phân phối FPT	8.748.381.510	8.748.381.510	-	-
Công ty SIAE Microelettronica S.p.A	6.998.075.000	6.998.075.000	11.101.710.248	11.101.710.248
Công ty Cổ phần Giao thông Công nghệ Thông tin Tân Cảng	3.115.047.260	3.115.047.260	15.575.236.100	15.575.236.100
Công ty Hudson Capital Holding Ltd	-	-	17.411.030.126	17.411.030.126
Phải trả đối tượng khác	31.834.644.704	31.834.644.704	68.856.285.832	68.856.285.832
TỔNG CỘNG	72.582.173.571	72.582.173.571	133.171.828.774	133.171.828.774

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng D.T.C	4.662.411.515	-
Tổng công ty viễn thông Mobifone	4.233.071.288	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Hà Phan	1.394.060.664	-
Cục Công nghệ Thông tin	-	7.341.257.600
Công ty Cổ phần VETC	-	2.456.012.750
Người mua trả tiền trước khác	731.684.293	1.050.185.330
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	-	8.959.942.517
TỔNG CỘNG	11.021.227.760	19.807.398.197

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	9.133.540.762	8.078.506.212	17.021.063.143	190.983.831
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.197.279.306	2.197.279.306	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.201.314.892	11.172.512.695	11.068.808.919	3.305.018.668
Thuế thu nhập cá nhân	426.963.150	5.861.468.999	6.047.372.892	241.059.257
Thuế nhà thầu	411.180.263	6.836.422.827	6.624.064.908	623.538.182
Các loại thuế khác	113.571.079	85.842.083	86.352.565	113.060.597
TỔNG CỘNG	13.286.570.146	34.232.032.122	43.044.941.733	4.473.660.535

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.088.266.013	274.690.908
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	885.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	825.310.408	815.660.688
Kinh phí công đoàn	621.745.752	830.673.979
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.059.649.197	597.042.633
TỔNG CỘNG	4.480.236.083	3.403.332.921

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả	18.467.100.000	18.467.100.000	18.504.500.003	-	36.971.600.003	36.971.600.003	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	58.281.288.917	58.281.288.917	182.880.016.729	(196.233.571.786)	137.976.588	45.065.710.448	45.065.710.448
	76.748.388.917	76.748.388.917	201.384.516.732	(196.095.595.198)	137.976.588	82.037.310.451	82.037.310.451
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	65.049.335.834	65.049.335.834	8.297.273.718	(18.504.500.003)	-	54.842.109.549	54.842.109.549
	65.049.335.834	65.049.335.834	8.297.273.718	(18.504.500.003)	-	54.842.109.549	54.842.109.549
TỔNG CỘNG	141.797.724.751	141.797.724.751	209.681.790.450	(214.600.095.201)	-	136.879.420.000	136.879.420.000

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	45.065.710.448	1.978.302	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 28 tháng 1 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	2,2%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.

TỔNG CỘNG

45.065.710.448 **1.978.302**

16.2 Các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	91.813.709.549	Gốc và lãi vay được trả hàng năm, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	9,60%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)

TỔNG CỘNG

91.813.709.549

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả

36.971.600.003

- Vay dài hạn

54.842.109.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

(Tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	13.047.974.413	2.982.328.639
TỔNG CỘNG	13.047.974.413	2.982.328.639
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	-	26.764.559.676
TỔNG CỘNG	-	26.764.559.676

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ 1 đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.016.047.867	2.820.781.904
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 19.1)	9.500.000.000	7.500.000.000
Sử dụng trong năm	(3.162.837.494)	(3.304.734.037)
Số dư cuối năm	13.353.210.373	7.016.047.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

B09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số dư đầu năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828
- Tăng vốn	50.253.770.000	(15.000.000)	-	-	(42.253.770.000)	94.739.146.981	(601.252.555)	7.985.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	(6.462.927.844)	94.137.894.426
- Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(6.462.927.844)
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	-	(24.873.298.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
Số dư cuối năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	180.012.576.856	11.781.747.178	786.087.339.610
Năm nay								
Số dư đầu năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	180.012.576.856	11.781.747.178	786.087.339.610
- Tăng vốn (*)	10.000.000.000	(20.000.000)	-	-	-	-	-	9.980.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	44.832.624.172	251.804.573	45.084.428.745
- Cổ tức công bố (**)	33.308.680.000	-	-	-	-	(71.310.882.000)	-	(38.002.202.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.800.000.000	-	(2.800.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)
- Phát hành cổ phiếu thưởng (***)	-	-	1.165.000.000	(1.165.000.000)	-	-	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(48.900.000)	-	-	-	-	(48.900.000)
Số dư cuối năm	509.282.430.000	88.677.010.000	(236.900.000)	37.410.255.576	5.200.000.000	141.234.319.028	12.033.551.751	793.600.666.355

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 2 năm 2017 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017, vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-08/2017/NQ-HĐQT về việc trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7% (một cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 7 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu được phát hành thêm là 3.330.868 cổ phiếu, chính thức niêm yết từ ngày 17 tháng 10 năm 2017. Bên cạnh đó, Công ty cũng công bố và chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 8% với số tiền là 38 tỷ VND.

(***) Cũng theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 nói trên, vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT về việc sử dụng 116.500 cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong Công ty từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	509.282.430.000	509.282.430.000	-	465.973.750.000	465.973.750.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.677.010.000	88.677.010.000	-	88.697.010.000	88.697.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(236.900.000)	(236.900.000)	-	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-
TỔNG CỘNG	597.722.540.000	597.722.540.000	-	553.317.760.000	553.317.760.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	465.973.750.000	415.719.980.000
Tăng vốn trong năm	43.308.680.000	50.253.770.000
Số cuối năm	509.282.430.000	465.973.750.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	71.310.882.000	24.873.298.800

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	71.310.882.000	24.873.298.800
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>71.310.882.000</i>	<i>24.873.298.800</i>
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	-	24.873.298.800
- Cổ tức cho năm 2016: 1.500 VND/cổ phiếu	71.310.882.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

19.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu đã phát hành	50.928.243	46.597.375
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>50.928.243</i>	<i>46.597.375</i>
Cổ phiếu phổ thông	50.928.243	46.597.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	9.490	123.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>9.490</i>	<i>123.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	9.490	123.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	50.918.753	46.474.375
Cổ phiếu phổ thông	50.918.753	46.474.375
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là ELC.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	14.243,51	115.636,36
Bảng Anh (GBP)	990,14	990,14
Nợ khó đòi đã xử lý	6.057.777.778	6.057.777.778

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Tổng cộng
Số đầu năm	6.039.124.986	5.742.622.192	11.781.747.178
Phần (lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(360.754.660)	612.559.233	251.804.573
Số cuối năm	5.678.370.326	6.355.181.425	12.033.551.751

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	561.394.684.029	1.301.579.187.148
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	308.968.837.476	848.240.053.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	225.966.046.953	401.249.261.746
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	26.459.799.600	52.041.263.130
Doanh thu khác	-	48.609.090
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	561.394.684.029	1.301.579.187.148

Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	531.604.003.288	1.293.973.096.319
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	29.790.680.741	7.606.090.829

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.941.385.508	3.183.915.645
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	3.770.567.600	11.591.133.576
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.087.623.931	2.135.200.052
Cổ tức, lợi nhuận được chia	263.590.051	350.440.200
Doanh thu tài chính khác	58.193	48.766
TỔNG CỘNG	12.063.225.283	17.260.738.239

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	284.507.831.809	678.518.528.694
Giá vốn dịch vụ cung cấp	122.173.674.460	319.359.362.971
Giá vốn thành phẩm phần mềm	13.800.747.432	25.568.397.260
Giá vốn thành phẩm khác	-	43.962.601
TỔNG CỘNG	420.482.253.701	1.023.490.251.526

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.815.083.267	10.748.143.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá	600.068.411	1.595.903.805
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.373.866.027)	543.898.350
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	1.568.050.108
Chi phí tài chính khác	253.299	420.090
TỔNG CỘNG	1.041.538.950	14.456.415.781

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành thành phẩm phần mềm	(295.904.696)	550.272.731
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng bảo hành phần cứng	(11.619.281.774)	19.446.379.477
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	-	316.281.799
Chi phí bán hàng khác	14.280.679.060	16.456.838.671
TỔNG CỘNG	2.365.492.590	36.769.772.678
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	67.097.390.578	68.862.177.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.109.165.615	11.410.217.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.323.639.023	5.342.854.084
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.290.068.390	23.526.816.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.074.294.194	20.916.851.768
Phân bổ lợi thế thương mại	-	4.314.520.000
TỔNG CỘNG	96.894.557.800	134.373.436.893

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.267.031.718	4.262.402.953
Chiết khấu/thưởng từ nhà cung cấp	2.559.168.087	2.723.448.185
Lãi từ thanh lý TSCĐ	2.426.726.610	411.500.000
Thu phạt chậm hợp đồng	-	454.776.011
Các khoản khác	281.137.021	672.678.757
Chi phí khác	699.972.208	2.446.035.899
Phạt chậm hợp đồng	-	1.069.619.343
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	237.328.058	907.462.142
Các khoản khác	462.644.150	468.954.414
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	4.567.059.510	1.816.367.054

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	279.974.630.156	824.736.991.549
Chi phí nhân công	84.820.759.940	89.931.737.803
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	23.488.348.571	33.360.478.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.412.525.675	154.751.167.527
Chi phí khác bằng tiền	26.046.039.749	91.853.085.913
TỔNG CỘNG	519.742.304.091	1.194.633.461.097

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom (công ty con) được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con này trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty và các công ty con áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH

B09-DN/HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.982.191.010	17.140.242.714
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	190.321.685	386.030.070
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	576.414.470	(97.751.647)
TỔNG CỘNG	11.748.927.165	17.428.521.137

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.833.355.910	111.566.415.563
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	11.604.243.075	21.135.548.529
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.171.711.693	1.057.639.241
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	1.523.111.972	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	576.414.470	(97.751.647)
Chi phí thuế TNDN năm trước trích thiếu	190.321.685	386.030.070
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	166.373.152	130.158.402
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản năm nay	2.240.459	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(3.119.151.926)	(5.103.197.863)
Chuyển lỗ từ các năm trước	(313.619.405)	-
Thu nhập đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	(52.718.010)	(70.088.040)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản năm nay	-	(9.817.555)
Chi phí thuế TNDN	11.748.927.165	17.428.521.137

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.058.149.220	1.634.563.690	576.414.470	(97.751.647)
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			576.414.470	(97.751.647)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 14.945.231.966 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2014	2019	891.670.398	532.067.349	-	359.603.049
2015	2020	845.947.265	845.947.265	-	-
2016	2021	1.135.269.585	190.082.411	-	945.187.174
2017 (*)	2022	13.640.441.743	-	-	13.640.441.743
TỔNG CỘNG		16.513.328.991	1.568.097.025	-	14.945.231.966

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Thu hồi gốc vay	600.000.000	-
		Cho vay không lãi	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa	25.337.276.331	7.606.090.829
		Trả trước tiền hàng	-	16.288.578.954
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa	2.755.785.018	-
		Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Góp vốn	1.815.000.000	-
		Cho thuê văn phòng	1.697.619.392	1.783.060.622
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000	300.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã trích lập 4.201.446.558 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.086.047.503	5.842.032.507
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.181.705.930	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
TỔNG CỘNG			9.865.524.212	6.439.803.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thăng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản trả trước tiền đất theo Biên bản Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư ngày 2 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và các bên liên quan trên.

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu cho vay không lãi	3.281.000.000	3.881.000.000
		Lãi vay	408.885.279	408.885.279
TỔNG CỘNG			3.689.885.279	4.289.885.279

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	7.921.879.043
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
TỔNG CỘNG			-	8.959.942.517

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.932.561.503	4.831.646.925
TỔNG CỘNG	4.932.561.503	4.831.646.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.832.624.172	94.739.146.981
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(9.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	44.832.624.172	85.239.146.981
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.643.844	49.548.533
<i>Ảnh hưởng suy giảm do</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	50.643.844	49.548.533
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	885	1.720
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	885	1.720

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Thành phẩm phân mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu của các bộ phận	26.459.799.600	308.968.837.476	225.966.046.953	-	561.394.684.029
Giá vốn của các bộ phận	13.800.747.432	284.507.831.809	122.173.674.460	-	420.482.253.701
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) gộp trước thuế của bộ phận	12.659.052.168	24.461.005.667	103.792.372.493	-	140.912.430.328
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)					(84.079.074.418)
Lợi nhuận thuần trước thuế					56.833.355.910
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại					(11.748.927.165)
Lợi nhuận thuần sau thuế					45.084.428.745
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	26.421.531.409	308.521.983.048	225.639.237.525	-	560.582.751.982
Tài sản không phân bổ (**)					496.102.424.772
Tổng tài sản	4.479.143.222	52.302.575.804	38.251.774.504		1.056.685.176.754
Công nợ bộ phận					95.033.493.530
Công nợ không phân bổ (***)					168.051.016.869
Tổng công nợ					263.084.510.399

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

	Thành phẩm phân mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (Sản phẩm eOp)	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu của các bộ phận	54.226.893.525	821.596.372.787	425.707.311.746	48.609.090	-	1.301.579.187.148
Giá vốn của các bộ phận	30.964.372.040	652.834.124.843	339.647.792.042	43.962.601	-	1.023.490.251.526
Kết quả						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	23.262.521.485	168.762.247.944	86.059.519.704	4.646.489	-	278.088.935.622
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)						(166.522.520.059)
Lợi nhuận thuần trước thuế						111.566.415.563
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại						(17.428.521.137)
Lợi nhuận thuần sau thuế						94.137.894.426
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	28.612.343.590	433.508.102.388	224.620.720.101	25.648.159	-	686.766.814.238
Tài sản không phân bổ (**)						473.703.596.658
Tổng tài sản	8.004.580.305	121.278.091.313	62.839.822.493	7.175.321		1.160.470.410.896
Công nợ bộ phận						192.129.669.432
Công nợ không phân bổ (***)						182.253.401.854
Tổng công nợ						374.383.071.286

Đơn vị tính: VND

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào thời điểm cuối năm, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.776.840.000	2.070.600.000
Trên 1 – 5 năm	2.852.815.333	-
TỔNG CỘNG	4.629.655.333	2.070.600.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.860.131.808	3.051.208.560
Trên 1 – 5 năm	3.442.583.904	-
TỔNG CỘNG	5.302.715.712	3.051.208.560

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Đơn vị tính: VND	
			Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
2	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	13.710.000.000	8.790.000.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
TỔNG CỘNG		513.418.000.000	70.602.240.000	442.815.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến hợp đồng BT

Công ty TNHH VTS Hải Phòng, công ty con của Công ty, đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hợp đồng số 03/2015/HĐBT-CHHVN ngày 21 tháng 1 năm 2015 với Cục Hàng hải Việt Nam ("HHVN"), hình thức hợp đồng BT, với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 174.042 triệu VND, trong đó số tiền tạm tính sẽ hoàn trả cho chủ đầu tư (Công ty TNHH VTS Hải Phòng) là 171.115 triệu VND và số tiền 1.926 triệu VND do cục HHVN chi trả. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con này chưa ghi nhận doanh thu và số tiền phải thu trong tương lai liên quan đến lãi vay được bồi hoàn trong thời gian thanh toán (từ tháng 8 năm 2015 đến hết năm 2022) do công ty con chưa quyết toán được phần lãi vay này với Cục HHVN.

33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.204.557.842	(5.862.765.957)	341.791.885
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125.691.049.500	5.862.765.957	131.553.815.457

Ngoài ra, Công ty cũng trình bày lại các khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 30.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

📍 Trụ sở : Tòa nhà Elcom - Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

☎ Tel : 024.38359359 - 024.37712222

📠 Fax : 024.38355884

🌐 Website: www.elcom.com.vn